

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

----- ❁ -----

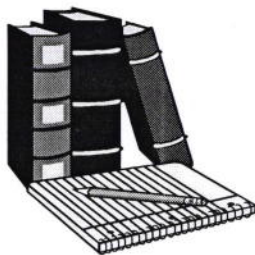


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

----- ❁ -----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2019

----- ❁ -----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 25 tháng 10 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-36

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Mẫu B 01 - DN/HN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2019	Số đầu năm 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		279.870.220.306	240.704.858.318
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	15.899.969.007	24.867.048.278
1. Tiền	111		15.379.740.864	24.867.048.278
2. Các khoản tương đương tiền	112		520.228.143	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.075.995.125	17.455.762.191
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2a	19.075.995.125	17.455.762.191
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.154.886.582	131.737.301.050
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	114.462.423.664	57.305.813.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	65.270.553.090	63.421.718.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12.380.000.000	12.380.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	4.219.540.009	4.945.175.948
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(6.177.630.181)	(6.315.406.474)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V. 6	48.150.257.201	64.052.438.914
1. Hàng tồn kho	141		48.150.257.201	64.052.438.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.589.112.391	2.592.307.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	793.287.911	563.505.503
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.795.824.480	1.959.773.629
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	-	69.028.753
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2019	Số đầu năm 01/01/2019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		371.939.877.426	379.732.346.288
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V. 5	-	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		100.769.508.160	100.268.456.755
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	86.391.630.249	85.588.432.695
<i>Nguyên giá</i>	222		182.886.361.435	173.407.144.889
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(96.494.731.186)	(87.818.712.194)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	14.377.877.911	14.680.024.060
<i>Nguyên giá</i>	228		16.970.834.944	16.970.834.944
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.592.957.033)	(2.290.810.884)
III. Bất động sản đầu tư	230	V. 11	45.264.124.692	47.598.421.703
<i>Nguyên giá</i>	231		88.685.070.015	88.554.410.015
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(43.420.945.323)	(40.955.988.312)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.610.511.193	26.704.488.635
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V. 8b	25.775.495.810	24.686.494.444
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8b	835.015.383	2.017.994.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		186.253.909.512	191.284.643.232
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2b	179.686.195.489	184.716.929.209
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2b	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(883.905.973)	(883.905.973)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.041.823.869	13.873.335.963
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	10.471.840.835	10.317.233.076
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.739.841.642	2.370.186.613
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		830.141.392	1.185.916.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		651.810.097.732	620.437.204.606



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2019	Số đầu năm 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		285.139.308.067	246.436.712.620
I. Nợ ngắn hạn	310		201.222.794.972	169.773.978.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	77.282.254.461	19.306.606.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	5.826.761.309	6.627.731.480
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	5.838.473.050	3.113.653.671
4. Phải trả người lao động	314		4.694.033.432	6.504.158.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	752.810.939	1.350.194.057
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	5.552.336.187	6.612.219.028
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	2.960.972.084	4.937.414.790
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	96.317.917.823	119.141.505.140
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	1.997.235.687	2.180.494.975
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		83.916.513.095	76.662.734.278
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	71.779.291.383	66.655.353.566
7. Phải trả dài hạn khác	337		4.928.380.712	4.928.380.712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	7.208.841.000	5.079.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2019	Số đầu năm 01/01/2019
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		366.670.789.665	374.000.491.986
I. Vốn chủ sở hữu	410		366.670.789.665	374.000.491.986
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 21	-	522.569.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V. 21	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	23.647.395.591	24.711.282.236
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	12.703.335.540	12.703.335.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	31.592.910.467	42.146.434.037
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.338.495.176	8.763.282.975
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.254.415.291	33.383.151.062
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	23.727.148.067	18.916.870.573
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		651.810.097.732	620.437.204.606

Bình Định, ngày 25 tháng 10 năm 2019


Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởngĐông Thị Anh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2019 -> 30/09/2019

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Từ 01/07/2019 -> 30/09/2019	Từ 01/07/2018 -> 30/09/2018	Từ 01/01/2019 -> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		208.906.560.663	141.531.239.484	610.495.126.106	416.907.512.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	208.906.560.663	141.531.239.484	610.495.126.106	416.907.512.299
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	187.194.430.625	120.848.152.478	530.731.709.242	345.460.544.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.712.130.038	20.683.087.006	79.763.416.864	71.446.968.218
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	880.874.751	1.295.728.961	5.531.439.314	4.688.395.852
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	1.341.897.707	1.141.202.424	5.093.371.938	3.350.393.973
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.247.198.308</i>	<i>803.477.924</i>	<i>4.693.770.133</i>	<i>2.845.654.943</i>
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI. 7	-	313.406.641	578.537.886	2.884.033.222
9. Chi phí bán hàng	25		7.362.619.883	7.724.491.314	35.224.270.649	27.914.830.702
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.628.644.286	3.417.429.222	19.057.197.204	20.327.213.858
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.259.842.913	10.009.099.648	26.498.554.273	27.426.958.759
12. Thu nhập khác	31	VI. 5	91.466.020	251.013.967	136.087.235	737.766.523
13. Chi phí khác	32	VI. 6	365.593.355	246.530.064	608.658.373	465.525.897
14. Lợi nhuận khác	40		(274.127.335)	4.483.903	(472.571.138)	272.240.626
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.985.715.578	10.013.583.551	26.025.983.135	27.699.199.385
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	1.449.030.397	1.757.760.912	4.245.869.186	4.502.408.874
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		630.344.971	-	630.344.971	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.906.340.210	8.255.822.639	21.149.768.978	23.196.790.511
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61	VI. 9	1.979.770.057	2.024.767.201	5.417.923.286	3.043.189.097
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	62		3.926.570.153	6.231.055.438	15.731.845.692	20.153.601.414
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 10	143	227	572	733
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI. 10	143	227	572	733

Bình Định, ngày 25 tháng 10 năm 2019



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu





Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng

Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Mẫu B 03 - DN/HN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01/01/2019 -> 30/09/2019**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 -> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.025.983.135	27.699.199.385
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	11.615.440.233	9.971.701.350
- Các khoản dự phòng	03		(137.776.293)	(811.912.246)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		27.947.849	(39.460.247)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(5.094.993.197)	(6.555.604.697)
- Chi phí lãi vay	06		4.693.770.133	2.845.654.943
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.130.371.860	33.109.578.488
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64.699.044.042)	32.383.778.849
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.813.180.347	(26.537.580.929)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		59.862.922.545	17.462.913.034
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.615.285)	(5.898.246.260)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.774.984.174)	(2.841.726.271)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.361.139.885)	(4.449.865.085)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.090.000	725.411
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.644.938.435)	(3.175.863.976)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>34.299.842.931</u>	<u>40.053.713.261</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.874.705.738)	(644.254.988)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		44.545.454	390.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.620.232.934)	(34.530.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	22.350.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.420.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.707.115.217	8.188.359.937
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>256.721.999</u>	<u>(8.665.595.051)</u>

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 -> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	380.760.001.290	241.454.577.812
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(401.458.212.007)	(243.957.258.028)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		(22.825.000.000)	(22.218.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.523.210.717)	(24.721.430.216)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.966.645.787)	6.666.687.994
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.867.048.278	3.759.691.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(433.484)	1.736.403
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		15.899.969.007	10.428.115.711

Bình Định, ngày 25 tháng 10 năm 2019



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 7 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
a. Công ty con				
Công ty CP DV PT Hạ tầng Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	Phường Nhơn Bình, 198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	15.000.000.000 10.000.000.000	70,83% 100%	70,83% 100,00%
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn.	24.500.000.000	51%	51,00%
Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây sơn, Phường Ghềnh Ráng Tp.Quy	5.000.000.000	100%	100,00%
b. Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50%	50,00%
Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%	31,28%
Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	40,01%	40,01%
Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	16.500.000.000	44,97%	44,97%
Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Thôn Quy hội, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Bình Định	20.000.000.000	35,00%	35,00%
c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:				
▶ Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
▶ Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
▶ Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định				

6. Khả năng so sánh thông tin**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG


TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Chế độ Kế toán và chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/09/2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu "các khoản tương đương tiền", chỉ tiêu "phải thu về cho vay ngắn hạn"

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản cho vay được trình bày trong chỉ tiêu "phải thu về cho vay dài hạn"

- Các khoản cho vay

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng kế ước, hợp đồng vay giữa 2 bên

Các khoản cho vay được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng kế ước, hợp đồng thỏa thuận vay giữa 2 bên

- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: là các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể; các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

- các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ bao gồm: các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn khi có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Các khoản phải thu được phân loại là dài hạn khi có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho là thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu và chi phí sản xuất chung

Hàng tồn kho được đánh giá thực tế trên cơ sở kiểm kê số lượng, chất lượng thực tế, mặt bằng giá thị trường hiện thời và giá trị hình thành của tài sản.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và TT 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của TT 45/2013/TT-BTC

- Tài sản cố định thuê tài chính

- Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD mà TCTy phải trả, phải thanh toán cho các chủ nợ, bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được phân loại là ngắn hạn khi TCTy có trách nhiệm trả trong vòng 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh bình thường

Nợ phải trả được phân loại là dài hạn khi TCTy xác định thời gian phải trả là trên 1 năm

Đối với các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ, cuối kỳ quyết toán TCTy đánh giá lại theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi TCTy mở tài khoản

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại là dài hạn khi có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được phân loại là ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay.. Được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của Chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thì TCTy điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...ngoài ra còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT....

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho TCTy loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát, TCTy tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có)

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, Tcty sẽ tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có) kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí bán hàng phản ánh thực tế phát sinh quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, quảng bá thương hiệu, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

Chi phí quản lý bao gồm các khoản chi phí về tiền lương của Ban lãnh đạo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Cán bộ CNV TCTy, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi

Đối với các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán thì TCTy không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành , chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt tại quỹ	4.296.776.472	805.235.653
Tiền gửi ngân hàng	11.082.964.392	24.061.812.625
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	520.228.143	-
Cộng	<u>15.899.969.007</u>	<u>24.867.048.278</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Tại ngày 30/09/2019</u>		<u>Tại ngày 01/01/2019</u>	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
a1. Ngắn hạn	19.075.995.125	-	17.455.762.191	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	19.075.995.125	-	17.455.762.191	-
a2. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	19.075.995.125	-	17.455.762.191	-

b. Đầu tư tài chính dài hạn

b1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Công ty CP chế biến gỗ Pisico Đồng An	Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Công ty TNHH SX Dăm gỗ BD (Gián tiếp)	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2018	10.300.580.309	11.653.363.194	3.870.743.759	13.413.203.018	137.011.689.295	6.995.116.289		183.244.695.864
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	2.114.643.818	285.890.353	2.475.831.974	3.997.254.361	-3.529.772.455		1.342.125.180	6.685.973.231
Cổ tức nhận trong kỳ	-2.367.270.400	-484.500.000		-4.141.380.000				(6.993.150.400)
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-36.331.502	-112.500.000	-246.332.156	-405.426.973			4.777.401.898	3.976.811.267
Góp vốn vào Cty LD&LK 2018			1.420.000.000					1.420.000.000
CLTG trên bảng CDKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2018					-3.963.130.664			(3.963.130.664)
Chuyển Cty LDLK thành Cty con (vốn góp)		-11.101.830.626						(11.101.830.626)
Chuyển Cty LDLK thành Cty con (CL theo PP VCSH)		-240.422.921						(240.422.921)
Tăng đầu tư gián tiếp vào Cty LDLK thông qua Công ty con							7.159.500.000	7.159.500.000
Điều chỉnh khác					4.528.483.458			4.528.483.458
Tại ngày 31/12/2018	10.011.622.225	0	7.520.243.577	12.863.650.406	134.047.269.634	6.995.116.289	13.279.027.078	184.716.929.209
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	1.131.076.798		2.418.765.803	1.047.555.691	-3.819.241.435	-199.618.971		578.537.886
Cổ tức nhận trong kỳ	-825.792.000			-2.100.700.000			-487.897.454	(3.414.389.454)
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-34.408.000		-100.243.577	-467.748.103			-528.595.827	(1.130.995.507)
CLTG trên bảng CDKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/09/2019					-1.063.886.645			(1.063.886.645)
Tại ngày 30/09/2019	10.282.499.023	0	9.838.765.803	11.342.757.994	129.164.141.554	6.266.901.491	12.791.129.624	179.686.195.489

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu		
Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2019 -> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp B.Định		
Phải thu tiền ứng vốn	12.380.000.000	12.380.000.000
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico		
Bán hàng	4.268.594.602	774.294.098
Phải thu	684.798.012	-
Cổ tức được chia	2.100.700.000	2.940.980.000
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An		
Mua hàng	-	370.563.200
Cổ tức được chia	825.792.000	1.266.214.400
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh		
Bán hàng	217.399.000	455.513.900
Phải thu tiền cho thuê CSHT và mua hàng hóa	28.922.454.964	429.053.197
Thu lãi tiền ứng trước		93.347.222
Mua hàng	137.943.345.817	36.674.627.526
Phải trả	56.747.148.710	-
Cho thuê CSHT và dịch vụ đi kèm	397.398.089	390.048.361
- Công ty TNHH TM Ánh Việt (Công ty cùng chủ sở hữu)		
Doanh thu cho thuê văn phòng + CSHT (chưa VAT)	460.733.359	61.428.955
Phải thu tiền cho thuê văn phòng + CSHT	1.234.854.353	25.453.683
Phải thu (Ứng trước tiền mua hàng)	17.000.000.000	7.000.000.000
- Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm (Công ty cùng chủ sở hữu)		
Phải thu (Ứng trước tiền mua hàng)	43.000.000.000	13.000.000.000
- Công ty TNHH TM Ánh Vy (Công ty mẹ)		
Doanh thu cho thuê văn phòng (chưa VAT)	68.959.083	61.428.955
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	29.105.101	25.453.683
Doanh thu bán gỗ xẻ	557.617.500	
Phải thu tiền bán gỗ xẻ	1.452.090.750	
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO		
Thu lại tiền cho Ứng vốn		800.000.000
Thu lãi ứng vốn		39.760.932

b2. Đầu tư vào đơn vị khác

	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
Cộng		7.451.619.996		7.451.619.996

hkc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 30/09/2019 như sau:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%
* Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		30/09/2019	01/01/2019
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:			
- Công ty CP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định		883.905.973	883.905.973
Cộng		883.905.973	883.905.973

3. Phải thu của khách hàng

	30/09/2019	01/01/2019
a. Tổng Công ty PISICO	62.246.511.738	50.083.314.712
Khách hàng DEHNER		909.991.500
Cty TNHH SX TM Tâm Phú	65.296.836	
Công ty TNHH TM Ánh Việt	29.105.101	23.878.196
Công ty TNHH TM Ánh Vy	1.481.195.851	862.589.696
Khách hàng A-MIR (Garden Team)		688.540.322
Công ty CP VLXD Mỹ Quang	10.000.000	27.794.715
Cty CP HD Rurniture Group		118.212.050
Khách hàng ASINDO		1.122.415.470
Cty TNHH SX TM Lê Dung		197.717.161
Khách hàng Globus (nordio)		1.365.870.845
Cty CP CB Gỗ Nội thất PISICO	684.798.012	
Cty TNHH An Lộc Phát	10.701.180	
Khách hàng ADEO		39.853.325.733
Cty TNHH NLG Quy nhơn	66.000.000	
Công ty CP khoáng sản Bình Định	19.747.899	
Công ty CP gỗ Đại Phúc		1.255.429.790
Công ty CP ĐT Quốc tế & XNK DHT	930.849.320	998.355.952
Công ty TNHH Vạn Đại	1.598.916.764	1.286.870.841
Công ty TNHH Thành Luân	30.447.832	250.456.687
Công ty CP Phú tài (XN Thắng lợi)	13.384.266	
Công ty CP Phú tài 3	2.731.941.452	
KH International Woodchip	53.360.668.049	
Công ty bao bì Hòa Phát	411.622.250	405.228.500
Công ty TNHH XD & MT Long Phước		3.318.947

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/09/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Hoàng Gia	265.669.644	227.151.025
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
Khách hàng khác	50.000.000	
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	6.214.200.044	7.109.281.889
DNTN Phú Lợi	1.741.988.217	1.592.274.527
Cty TNHH TM Phú Mỹ	822.879.662	817.528.879
Công ty TNHH TM Ánh Việt	1.205.749.252	774.797.549
Khách hàng khác	2.443.582.913	3.924.680.934
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	138.176.316	74.115.500
Cty TNHH THC Saigontourist	118.176.320	-
Cty TNHH mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	-	60.875.000
Khách hàng khác	19.999.996	13.240.500
d. Cty TNHH nguyên liệu giấy QN	45.863.535.566	39.101.225
DNTN SX TM An Phát	611.796.573	
Cty Liên doanh BDC	16.329.284.029	
Cty CP PISICO Hà Thanh	28.922.454.964	
Khách hàng khác		39.101.225
Cộng	114.462.423.664	57.305.813.326
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	30/09/2019	01/01/2019
Công ty TNHH TM Ánh Việt	17.000.000.000	17.000.000.000
Cảng Quy Nhơn	51.772.336	
Cty TNHH Cơ khí Lam Sơn		308.000.000
Cty TNHH Vũ Hà		25.000.000
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	43.000.000.000	43.000.000.000
Công ty CP chứng khoán NH Công thương VN	50.000.000	50.000.000
Cty TNHH MTV Toyota Bình Định		50.000.000
Cty TNHH MTV Hậu Minh	795.191.184	660.000.000
Cty TNHH DV Danh Thắng	567.815.640	
Công ty TNHH SX TM DV Đức Thịnh	1.416.416.880	
TT Xúc tiến TM Tỉnh Bình Định	94.774.000	
KH Trần Nguyễn Hoàng Thanh	4.500.000	
KH Akzo Nobel Coatings Vietnam	26.400.000	
Công ty TNHH Kiểm toán FAC-CN Nha Trang	20.000.000	21.000.000
Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật & MT Trung việt	42.537.000	42.537.000
Cty CP Truyền thông VTVC Việt Nam	6.600.000	
Trần Thanh Tâm	794.305.450	794.305.450
Đặng Ngọc Sơn	741.390.900	741.390.900
Khách hàng khác	658.849.700	729.484.900
Cộng	65.270.553.090	63.421.718.250

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
5. Phải thu khác		
- Ngắn hạn	4.219.540.009	4.945.175.948
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	12.955.875	12.813.942
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	94.877.266	84.427.784
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng + Lãi ứng vốn	66.482.971	328.160.958
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	1.009.076.500	1.009.076.500
Tạm ứng CBCNV	798.353.731	894.702.731
Cổ tức được chia	-	2.301.456.000
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	289.274.160	219.632.033
Ký quỹ tại VCB Bình Định	1.001.123.826	-
Các khoản khác	947.395.680	94.906.000
- Dài hạn	-	3.000.000
Tiền đặt cọc thuê Văn phòng Truyền hình cáp	-	3.000.000
Cộng	4.219.540.009	4.948.175.948
6. Hàng tồn kho		
	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	15.303.638.062	16.648.520.136
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.389.132.765	1.222.781.221
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.192.069.005	19.217.880.842
Thành phẩm tồn kho	18.619.807.847	26.317.647.193
Hàng hóa bất động sản	645.609.522	645.609.522
Cộng	48.150.257.201	64.052.438.914
7. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn		
	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tổng Công ty PISICO	1.572.830.372	1.792.942.187
Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	1.755.632.028	1.673.296.506
Cty TNHH MTV Truyền hình Cáp QN	18.006.000	18.006.000
Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	2.831.161.781	2.831.161.781
Cộng	6.177.630.181	6.315.406.474

* Chi tiết:

Tại ngày 30/09/2019			Tại ngày 01/01/2019		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
4.443.336.642	-	Trên 3 năm	4.322.332.677	-	Trên 3 năm
761.318.459	228.395.538	Từ 2-3 năm	611.424.144	183.427.244	Từ 2-3 năm
1.861.326.309	930.663.149	Từ 1-2 năm	2.353.618.292	1.176.809.142	Từ 1-2 năm
902.358.192	631.650.734	Từ 6 tháng - 1 năm	1.294.225.817	905.958.070	Từ 6 tháng - 1 năm
7.968.339.602	1.790.709.421		8.581.600.930	2.266.194.456	

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2019	01/01/2019
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	25.775.495.810	24.686.494.444
- CP Trồng Rừng kinh tế	25.775.495.810	24.686.494.444
b. Xây dựng cơ bản dở dang	835.015.383	2.017.994.191
- Các hạng mục tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	631.127.009	631.127.009
- CP sửa chữa hạ tầng mạng Truyền hình cáp	203.888.374	-
- Mua sắm tài sản cố định của TCTy	-	1.122.549.000
- Dự án internet và THKTS tại Cty Truyền Hình Cáp	-	264.318.182
Cộng	26.610.511.193	26.704.488.635

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2019	77.730.985.597	79.462.030.415	13.700.966.944	1.457.678.251	1.055.483.682	173.407.144.889
Đầu tư mới	2.069.332.909	6.735.938.182	1.103.945.455	-	-	9.909.216.546
Thanh lý, nhượng bán	-	430.000.000	-	-	-	430.000.000
Tại 30/09/2019	79.800.318.506	85.767.968.597	14.804.912.399	1.457.678.251	1.055.483.682	182.886.361.435
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2019	31.895.395.022	45.263.362.965	8.786.279.527	983.873.494	889.801.186	87.818.712.194
Trích khấu hao	2.662.493.562	5.323.480.544	664.011.045	157.905.019	40.446.903	8.848.337.073
Thanh lý	-	172.318.081	-	-	-	172.318.081
Tại 30/09/2019	34.557.888.584	50.414.525.428	9.450.290.572	1.141.778.513	930.248.089	96.494.731.186
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2019	45.835.590.575	34.198.667.450	4.914.687.417	473.804.757	165.682.496	85.588.432.695
Tại 30/09/2019	45.242.429.922	35.353.443.169	5.354.621.827	315.899.738	125.235.593	86.391.630.249

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất + CP GPMB	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	3.309.570.944	13.607.264.000	54.000.000	16.970.834.944
Tại ngày 30/09/2019	3.309.570.944	13.607.264.000	54.000.000	16.970.834.944
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	484.328.532	1.779.482.352	27.000.000	2.290.810.884
Trích khấu hao	60.540.933	231.480.216	10.125.000	302.146.149
Tại ngày 30/09/2019	544.869.465	2.010.962.568	37.125.000	2.592.957.033
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	2.825.242.412	11.827.781.648	27.000.000	14.680.024.060
Tại ngày 30/09/2019	2.764.701.479	11.596.301.432	16.875.000	14.377.877.911

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	38.635.719.983	49.918.690.032	88.554.410.015
Đầu tư mới	-	130.660.000	130.660.000
Phát sinh giảm	-	-	-
Tại ngày 30/09/2019	38.635.719.983	50.049.350.032	88.685.070.015
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	31.966.145.349	8.989.842.963	40.955.988.312
Trích khấu hao	1.942.407.756	522.549.255	2.464.957.011
Tại ngày 30/09/2019	33.908.553.105	9.512.392.218	43.420.945.323
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	6.669.574.634	40.928.847.069	47.598.421.703
Tại ngày 30/09/2019	4.727.166.878	40.536.957.814	45.264.124.692

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

12. Chi phí trả trước

	30/09/2019	01/01/2019
Chi phí trả trước ngắn hạn	793.287.911	563.505.503
Chi phí trả trước dài hạn	10.471.840.835	10.317.233.076
Cộng	11.265.128.746	10.880.738.579

13. Vay và nợ thuê tài chính

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 30/09/2019
VCB Quy Nhơn (a)	116.177.505.140	375.792.160.290	398.925.212.007	4.464.400	93.048.917.823
Vay Việt Nam Đồng	77.370.512.275	350.443.527.204	339.552.458.756		88.261.580.723
Vay Đô - la Mỹ	38.806.992.865	25.348.633.086	59.372.753.251	4.464.400	4.787.337.100
Cộng	116.177.505.140	375.792.160.290	398.925.212.007	4.464.400	93.048.917.823

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Điều chỉnh trong kỳ	Tại ngày 30/09/2019
A. Vay dài hạn	5.079.000.000	4.967.841.000	0	(2.838.000.000)	7.208.841.000
VCB Quy Nhơn (a)	5.079.000.000	4.967.841.000	0	(2.838.000.000)	7.208.841.000
Vay Việt Nam Đồng	5.079.000.000	4.967.841.000	0	(2.838.000.000)	7.208.841.000
B. Vay dài hạn đến hạn trả	2.964.000.000	0	2.533.000.000	2.838.000.000	3.269.000.000
VCB Quy Nhơn	2.964.000.000	0	2.533.000.000	2.838.000.000	3.269.000.000
Vay Việt Nam Đồng	2.964.000.000	0	2.533.000.000	2.838.000.000	3.269.000.000
Cộng	8.043.000.000	4.967.841.000	2.533.000.000	-	10.477.841.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Công ty TNHH DV TM Tâm Như	52.552.500	
Cty TNHH Vận tải Đạt Huy	50.666.000	
Công ty TNHH TM TH Khải Hoàn	56.056.000	
DNTN Cảnh Toàn	87.466.500	
Cty CP PISICO Hà Thanh	56.747.148.710	
DNTN Dệt May TM Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần phần mềm thông tin kinh doanh	9.000.000	9.000.000
Công ty TNHH Thảo Truyền	151.900.000	151.900.000
Công ty TNHH Đức Thành	23.039.313	1.435.695.350
Công ty TNHH BB Quảng Cáo Hoàng Anh	4.646.400	
Công ty TNHH Lê Gia	240.161.003	662.102.754
Công ty TNHH Hoàng Trang		1.630.858.680
Khách hàng Lê Hữu Tài	14.656.518	7.860.696
Công ty TNHH Hóa Keo Bình Thạnh		166.761.265
Công ty TNHH SX TM Thanh Phước	2.915.000	
Công ty TNHH SX TM Bảo Bảo		41.692.816
Cửa hàng Hoàng Yến		108.088.800
Công ty TNHH SX Funiture Sài Gòn	54.001.046	
Khách hàng Nguyễn Việt Hưng		64.340.100
DNTN Quang huy		67.639.000
Cửa hàng TCT	69.787.200	138.360.600
Khách hàng Nguyễn Hạnh Cúc	122.245.500	131.715.000
Khách hàng Kim Tuyền	14.644.000	76.748.680
Công ty TNHH TMDV GT VT Ánh Sáng Việt	11.576.027	
Cty TNHH An Nhật Tân	4.400.000	
Hiệu Buôn Hà Thái	2.460.000	
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định	10.248.672	
Công ty TNHH DV TM Tân Phát	58.082.200	202.523.200
Công ty TNHH kỹ nghệ Eco	160.582.873	521.313.920
Cty TNHH SX TB Cơ khí Lam Sơn	19.250.000	
Công ty TNHH SX Hút Âm Gia Phát	11.220.000	
Cửa hàng Đức Toán	6.435.000	
Công ty CP Tân Tiến		661.957.843
Công ty TNHH SX TM Xuyên Việt		154.827.200
Cty TNHH SX BB và in ấn Trương Gia		718.685.748
Công ty TNHH Tân Bình		338.837.456
Công ty CP SX TM Vĩnh Phúc	80.454.000	633.446.000
Cty TNHH XNK Châu Lục		
CN Xăng dầu Quân đội KV Tây Nguyên	2.054.000	
Công ty TNHH Xuân Huy Phát		220.444.360
Cty TNHH SX TM Sao Vàng		32.255.960
XN Lắp máy và XD Quang Trung	44.880.400	44.880.400

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Công ty TNHH SX TM DV Q&B		44.550.000
Công ty TNHH TM và MT Hậu sanh		10.000.000
Công ty TNHH MTV CK Thế Bằng	87.201.992	781.883.553
Khách hàng Phúc Thành	5.160.000	2.160.000
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thành Long		5.790.400
Cty CP XNK & TM DV Bông Súng		245.271.400
CN Cty CP G.Định Đại Việt tại Đ.Năng		21.450.000
Cty TNHH CB Nước mắm Mười Thu		159.166.082
Cty TNHH Việt Nam BLS		12.217.432
Công ty TNHH Thành phát VINA		27.244.800
Công ty CP XL Điện Tuy Phước	151.841.380	67.722.944
Cửa hàng dầu nhớt Út Mỹ		3.000.000
CTy CP Petec Bình Định		7.358.400
Công ty TNHH SX TM Trường Phước	21.895.000	21.895.000
Cty CP Trường Hải		550.699.030
Cty TNHH Gỗ Thành Phúc		3.315.037.990
Cty TNHH TM DV T.U.T		26.108.500
Vinatrans Quy Nhơn		12.012.000
Cửa hàng Phúc Khôi	9.181.600	
Cty TNHH Hoàng Tâm	25.948.877	
Nguyễn Minh Hiền	5.865.000	
Lưu Thị Ngọc	1.500.000	
Cty TNHH DV và TM D.L.C Việt Nam	5.005.000	
Cty TNHH MTV vận tải & TM Toàn Tâm	79.348.170	11.290.000
DNTN Lê Huy Huyền		87.885.000
TT Nước sạch & Vệ sinh MT	53.154.385	-
DNTN TM Bình An	25.590.400	
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Long	2.539.564	2.539.564
Cty TNHH XD TH Hà Thanh	39.327.000	39.327.000
Công ty TNHH XD An Đạt	-	14.561.400
Công ty TNHH THC Sài gòn tourist	1.420.970.391	713.957.405
Khách hàng khác	155.678.388	15.370.000
DNTN Thanh Hải	591.090.163	428.533.406
XNKD DVTH Cảng Quy nhơn	2.593.471.075	1.068.888.882
Võ Ngọc Chinh		192.099.600
Cty TNHH Lâm nghiệp Quy nhơn	2.206.763.510	72.540.000
Cty TNHH SX TM Đức Thịnh		325.416.000
Khách hàng nhập gỗ		1.186.356.100
Công ty CP ĐT & XD Bình Định	1.047.094.506	2.153.994
DNTN Lê Huy Huyền	908.392.280	
KH Nguyễn Nhẹ	823.091.400	
KH Phạm Thị Thảo	1.804.643.400	
Khách hàng khác	6.104.972.118	610.184.700
Cộng	<u>77.282.254.461</u>	<u>19.306.606.410</u>



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

15. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
a. Tổng Công ty PISICO	5.826.761.309	6.627.689.603
Khách hàng bán lẻ	71.500.000	-
Khách hàng HARTMAN	5.646.904	403.713.753
Khách hàng SMT J/S	6.868.170	6.868.170
Công ty TNHH TM XD Long Phước	1.500.000	
Khách hàng CCST LTD	23.687.697	1.157.663.530
Công ty TNHH Trồng Rừng QN	5.656.792.712	4.928.844.704
Khách hàng FREE STYLE	10.765.826	10.765.826
CN Cty CP Phú Tài tại TP.HCM		41.771.620
Công ty TNHH SX Gia Hưng	50.000.000	
Công ty CP PISICO Hà Thanh		78.062.000
b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC	-	41.877
Cộng	5.826.761.309	6.627.731.480

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2019	01/01/2019
Thuế giá trị gia tăng	3.855.656.712	867.716.119
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.554.058.102	1.738.357.554
Thuế thu nhập cá nhân	25.158.236	17.579.998
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	33.600.000	-
Các loại thuế khác	370.000.000	490.000.000
Cộng	5.838.473.050	3.113.653.671

Chi tiết như sau:

	01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/09/2019
Thuế GTGT bán hàng nội địa	867.716.119	26.692.799.422	23.704.858.829	3.855.656.712
Thuế xuất, nhập khẩu		5.352.783.492	5.352.783.492	-
Thuế thu nhập DN	1.669.328.801	4.245.869.186	4.361.139.885	1.554.058.102
Thuế môn bài	-	17.000.000	17.000.000	-
Thuế nhà đất, thuê đất	-	519.768.432	486.168.432	33.600.000
Thuế thu nhập cá nhân	17.579.998	526.790.338	389.197.340	25.158.236
Thuế khác	490.000.000	234.400.000	354.400.000	370.000.000
Cộng	3.044.624.918	37.589.410.870	34.665.547.978	5.838.473.050

17. Chi phí phải trả

	30/09/2019	01/01/2019
Chi phí thuê bản quyền truyền hình	-	523.480.216
Lãi vay phải trả	35.007.274	116.221.315
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	90.819.500	143.939.200
Các khoản chi phí khác	402.635.482	289.326.054
Tiền nước + Điện + thuê đất	124.099.588	-
Phí kiểm toán BCTC	18.181.818	277.227.272
Chi phí khai thác rừng & QLBV rừng	82.067.277	-
Cộng	752.810.939	1.350.194.057



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	27.808.000
Tiền cọc cho thuê Văn phòng	134.000.000	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	364.879.030	-
Kinh phí công đoàn	764.019.387	746.673.468
Công ty TNHH Trồng rừng QN	-	-
Lợi nhuận Phải trả cho CĐTS	-	2.737.000.000
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Công ty Cổ phần thực phẩm XK Bình Định	712.971.000	712.971.000
Công ty CP TM ĐT&PT Miền Núi	113.784.055	113.784.055
Phải trả Công Đoàn TCTy	314.124.310	370.656.422
Tiền ốm đau, thai sản (có 1388)	11.099.400	39.673.200
Tiền thuê đất thô phải trả NN của các DN	436.552.813	21.165.494
Các khoản khác	40.907.909	109.048.971
Cộng	<u>2.960.972.084</u>	<u>4.937.414.790</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tại ngày 01/01/2019	2.180.494.975
Trích từ lợi nhuận sau thuế	3.459.589.147
Thu khác	2.090.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	3.644.938.435
Số dư tại 30/09/2019	<u>1.997.235.687</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a. Ngắn hạn	<u>5.552.336.187</u>	<u>6.612.219.028</u>
Doanh thu nhận trước cho thuê cơ sở hạ tầng CCN Nhơn Bình	1.743.540.213	2.269.404.275
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	1.939.131.307	2.613.769.807
Cho thuê Văn phòng làm việc	223.500.000	157.500.000
Doanh thu nhận trước tiền thuê bao Truyền hình cáp	804.289.667	449.044.946
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất (NLG)	841.875.000	1.122.500.000
b. Dài hạn	<u>71.779.291.383</u>	<u>66.655.353.566</u>
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	68.647.212.403	60.993.222.670
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình chưa thực hiện.	2.570.828.980	4.539.630.896
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất (NLG)	561.250.000	1.122.500.000
Cộng	<u>77.331.627.570</u>	<u>73.267.572.594</u>



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2018	275.000.000.000	522.569.600	26.643.649.201	12.703.335.540	29.206.539.301	344.076.093.642
Lợi nhuận năm 2018					34.901.744.370	34.901.744.370
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(3.196.380.662)	(3.196.380.662)
Chia cổ tức					(22.000.000.000)	(22.000.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết				-	6.474.531.028	6.474.531.028
Chi khác					(240.000.000)	(240.000.000)
CL tỷ giá năm 2018			(1.932.366.965)			(1.932.366.965)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh (TH Cấp)					(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	275.000.000.000	522.569.600	24.711.282.236	12.703.335.540	42.146.434.037	355.083.621.413
Tại ngày 01/01/2019	275.000.000.000	522.569.600	24.711.282.236	12.703.335.540	42.146.434.037	355.083.621.413
Lợi nhuận 9 tháng năm 2019					15.731.845.692	15.731.845.692
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(2.851.943.355)	(2.851.943.355)
Chia cổ tức					(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(1.130.995.507)	(1.130.995.507)
CL tỷ giá năm 2019			(1.063.886.645)			(1.063.886.645)
Điều chỉnh khác		-522.569.600			522.569.600	-
Tại ngày 30/09/2019	275.000.000.000	-	23.647.395.591	12.703.335.540	31.592.910.467	342.943.641.598

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Cộng		275.000.000.000		275.000.000.000

	30/09/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

22. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển hạ tầng P.B.C	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN	Tổng Cộng
Tại ngày 01/01/2018	6.062.095.429		6.062.095.429
LN của cổ đông thiểu số 2018	1.372.459.215	2.076.105.819	3.448.565.034
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CDTS	(50.560.417)		(50.560.417)
Chia cổ tức cho CDTS	(1.093.750.000)	(1.862.000.000)	(2.955.750.000)
Vốn góp của CDTS	-	4.655.000.000	4.655.000.000
LNST chưa PP của CDTS		323.860.512	323.860.512
Quỹ ĐTPT phân bổ cho CDTS		1.847.400.869	1.847.400.869
Nguồn vốn XDCD phân bổ cho CDTS		5.586.259.146	5.586.259.146
Tại ngày 31/12/2018	6.290.244.227	12.626.626.346	18.916.870.573
Tại ngày 01/01/2019			
LN của cổ đông thiểu số Q1+2+3/2019	1.046.784.354	4.371.138.932	5.417.923.286
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CDTS	(137.245.792)	(470.400.000)	(607.645.792)
Tại ngày 30/09/2019	7.199.782.789	16.527.365.278	23.727.148.067

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	30/09/2019	01/01/2019
c. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	1.460,17	314.066,40
EURO	322,36	349,66
d. Nợ khó đòi đã xử lý	5.623.669.639	5.623.669.639



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Tổng doanh thu	610.495.126.106	416.907.512.299
Các khoản giảm trừ		-
Doanh thu thuần	610.495.126.106	416.907.512.299
Trong đó:		
Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	574.502.099.728	382.048.293.712
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	11.423.638.269	10.978.999.316
Doanh thu DV Truyền Hình Cấp	24.569.388.109	23.880.219.271
Cộng	610.495.126.106	416.907.512.299

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	511.535.368.266	328.734.570.180
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	5.491.727.608	5.602.285.922
Giá vốn DV Truyền Hình Cấp	13.704.613.368	11.123.687.979
Cộng	530.731.709.242	345.460.544.081

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.026.767.380	2.531.046.277
Lãi tiền gửi, cho vay	702.824.396	838.957.970
Lãi chênh lệch tỷ giá	801.847.538	1.318.391.605
Cộng	5.531.439.314	4.688.395.852

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Chi phí lãi vay	4.693.770.133	2.845.654.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá	399.601.805	504.739.030
Cộng	5.093.371.938	3.350.393.973

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	301.567.228
Tiền thưởng tàu	79.034.020	-
Xử lý nợ, Thu hồi nợ	60.000	10.524.000
Thu nhập khác	56.993.215	425.675.295
Cộng	136.087.235	737.766.523



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Xử lý nợ	-	132.307.000
Thanh lý TSCĐ	213.136.465	-
Chi thù lao HĐQT	364.941.177	149.250.000
Các khoản chi phí khác	30.580.731	183.968.897
Cộng	608.658.373	465.525.897

7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Phần lãi / (lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết:		
- Công ty Cổ phần chế biến gỗ nội thất Pisico	1.047.555.691	1.350.957.283
- Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	-	285.890.353
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	1.131.076.798	1.919.548.829
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	2.418.765.803	(31.350.555)
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	(199.618.971)	-
- Công ty Cổ phần KD CNN Bình Định	(3.819.241.435)	(641.012.688)
Cộng	578.537.886	2.884.033.222

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Lợi nhuận trước thuế	26.025.983.135	27.699.199.385
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.719.608.702	2.025.783.378
Các khoản chi phí không được trừ	1.719.608.702	2.025.783.378
Các khoản điều chỉnh giảm	6.520.834.629	7.378.027.981
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	5.338.403.775	5.901.057.484
Các khoản khác	1.182.430.854	1.476.970.497
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	21.224.757.208	22.346.954.782
<u>Trong đó:</u>		
Thuế TNDN tính theo thuế suất	4.245.869.186	4.469.390.956
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo QĐ của Cục thuế tỉnh Bình Định	-	33.017.918
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.245.869.186	4.502.408.874

9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Lợi nhuận sau thuế tính cho cổ đông thiểu số tại các Cty con:		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	1.046.784.354	912.042.020
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy QN	4.371.138.932	2.131.147.077
Cộng	5.417.923.286	3.043.189.097



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	15.731.845.692	20.153.601.414
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.731.845.692	20.153.601.414
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	572	733
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	572	733

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.498.800.121	63.340.914.499
Chi phí nhân công	25.171.989.032	34.832.366.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.615.440.233	9.971.701.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.522.397.984	61.286.566.706
Chi phí khác bằng tiền	30.441.396.445	20.756.809.342
Cộng	365.250.023.815	190.188.358.536

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8.848.337.073	7.070.021.401
Khấu hao tài sản cố định vô hình	302.146.149	241.605.216
Khấu hao bất động sản	2.464.957.011	2.660.074.733
Cộng	11.615.440.233	9.971.701.350

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Lãi tiền gửi, cho vay	702.824.396	838.957.970
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và TS dài hạn khác	(213.136.465)	301.567.228
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.026.767.380	2.531.046.277
Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	578.537.886	2.884.033.222
Cộng	5.094.993.197	6.555.604.697

3. Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Tiền vay ngân hàng	380.760.001.290	241.454.577.812
Cộng	380.760.001.290	241.454.577.812



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2019-> 30/09/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/09/2018
Tiền vay ngân hàng	401.458.212.007	243.957.258.028
Cộng	401.458.212.007	243.957.258.028

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận kinh doanh chính phân chia theo các lĩnh vực chính dưới sự quản lý của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: bao gồm sản xuất chế biến, mua bán lâm sản, trồng rừng, các sản phẩm và sản phẩm dịch vụ liên quan đến rừng trồng;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các dịch vụ đi kèm;
- Dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ đi kèm;
- Đầu tư tài chính: Đầu tư vào vào các công ty liên doanh liên kết và các doanh nghiệp khác có hoạt động kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty.

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	Hạ tầng Cụm Công nghiệp	Truyền hình cáp	Đầu tư tài chính	Phần theo dõi và quản lý chung	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	574.502.099.728	11.423.638.269	24.569.388.109			610.495.126.106
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	805.982.241	686.995.094	3.969.243	4.605.305.266	7.725.356	6.109.977.200
Thu nhập khác	122.799.962	10.500.000	2.787.273			136.087.235
Tổng doanh thu và thu nhập khác	575.430.881.931	12.121.133.363	24.576.144.625	4.605.305.266	7.725.356	616.741.190.541
Giá vốn hàng bán	511.535.368.266	5.491.727.608	13.704.613.368			530.731.709.242
Chi phí bán hàng	34.107.086.025		1.117.184.624			35.224.270.649
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.922.943.429	1.683.524.495	4.094.954.398	355.774.882		19.057.197.204
Chi phí tài chính	1.985.844.548	0	611.565.127	0	2.495.962.263	5.093.371.938
Chi phí khác	561.318.373	47.340.000	0			608.658.373
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	561.112.560.641	7.222.592.103	19.528.317.517	355.774.882		588.219.245.143
Chi phí được theo dõi chung của các bộ phận					2.495.962.263	2.495.962.263
Tổng chi phí	561.112.560.641	7.222.592.103	19.528.317.517	355.774.882	2.495.962.263	590.715.207.406
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	14.318.321.290	4.898.541.260	5.047.827.108	4.249.530.384	-2.488.236.907	26.025.983.135

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Bình Định, ngày 25 tháng 10 năm 2019

Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc